

Số: 1042/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-HVCSPT ngày 25/08/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán;

Căn cứ đề xuất của Khoa Kế toán – Kiểm toán và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán, áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (có mô tả chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Kế toán – Kiểm toán, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo t/h);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1042/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: KẾ TOÁN

Tên tiếng Việt: KẾ TOÁN

Tên tiếng Anh: ACCOUNTING

- Mã số ngành đào tạo: **73 40 301**

- Chuyên ngành: Kế toán

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân Kế toán

Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Accounting

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy ngành Kế toán của Học viện Chính sách và Phát triển đào tạo cử nhân Kế toán có kiến thức tổng quan về kinh tế, tài chính và kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, thuế và phân tích tài chính, tổ chức và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; Có năng lực chuyên môn vững chắc và năng lực nghề nghiệp đa dạng; thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động và những thách thức của cách mạng công nghiệp và toàn cầu hóa. Chương trình cũng góp phần rèn luyện sinh viên có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm với xã hội, có đạo đức nghề nghiệp và có năng lực học tập suốt đời.

2.2 Mục tiêu cụ thể

MTCT1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán và các lĩnh vực liên quan phục vụ cho nghề nghiệp như kinh tế, tài chính, chính sách, pháp luật; Kiến thức ngành cũng như kiến thức chuyên môn sâu về kế toán, kiểm toán, thuế; Tổ chức và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán phù hợp với chuẩn mực, thông lệ trong nước và quốc tế theo bối cảnh thực tiễn.

MTCT2: Trang bị cho người học những kỹ năng để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán – kiểm toán ở các đơn vị kế toán, kiểm toán.

MTCT3: Trang bị cho người học kỹ năng sử dụng tin học, công nghệ và ngoại ngữ hiệu quả trong công việc

MTCT4: Trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản trị thời gian, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giao tiếp hiệu quả trong công việc hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển

4. Điều kiện nhập học

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển

PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra chương trình

A. Chuẩn về kiến thức

A1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện

- CĐR1.** Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- CĐR2.** Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.
- CĐR3.** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.
- CĐR4.** Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, các quy định, khung lý thuyết cơ bản liên quan đến lĩnh vực kế toán-kiểm toán vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A2. Chuẩn đầu ra chung của ngành

- CĐR5.** Vận dụng được kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính ngân hàng vào thực hiện công tác kế toán, kiểm toán tại đơn vị.
- CĐR6.** Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính vào phân tích, đánh giá các hoạt động của đơn vị.

A3. Chuẩn đầu ra của chuyên ngành

- CĐR7.** Vận dụng kiến thức kế toán và tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp: Tập đoàn kinh tế; Doanh nghiệp xây lắp; Doanh nghiệp thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu; Ngân hàng thương mại; Các đơn vị hành chính sự nghiệp.... Tổ chức một và thực hiện cuộc kiểm toán độc lập. Khai quyết toán thuế trên phần mềm của cơ quan thuế.
- CĐR8.** Phân tích và đánh giá được các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính, các thông tin và dữ liệu kế toán của doanh nghiệp hoặc tổ chức phục vụ cho mục đích ra quyết định của nhà quản trị và hoạch định chính sách tài chính tại các đơn vị công các tổ chức kinh tế, xã hội.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B1. Kỹ năng nghề nghiệp

- CĐR9.** Có kỹ năng tư duy, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán, thuế trong các đơn vị kế toán

10. CĐR10. Có kỹ năng lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính; Kỹ năng tham mưu tư vấn cho các nhà quản lý trong việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và ra quyết định kinh tế-tài chính.

B2. Kỹ năng mềm

11. CĐR11. Có kỹ năng giao tiếp; Làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm; viết báo cáo và thuyết trình, trả lời phỏng vấn chuyên môn... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo

12. CĐR12. Có kỹ năng phối hợp, dẫn dắt và quản lý thời gian tổ chức các hoạt động kế toán, kiểm toán.

13. CĐR13. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; Có khả năng phân tích dữ liệu lớn; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán.

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

14. CĐR14. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Có năng lực học tập suốt đời.

15. CĐR15. Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.

2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân chuyên ngành kế toán – kiểm toán có thể làm việc tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thuế, đơn vị sự nghiệp (trường học, bệnh viện...), tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, ngân hàng, quỹ đầu tư, tổ chức phi chính phủ... với các chức danh như: kế toán viên, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, giám đốc tài chính, chuyên viên tài chính, công chức thuế, trợ lý kiểm toán...

Cử nhân chuyên ngành kế toán – kiểm toán tiếp tục học tập ở trình độ sau đại học có thể thực hiện các công việc nghiên cứu, giảng dạy tại các viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng.

Vị trí công việc

1. Kế toán tổng hợp, kế toán các phần hành trong phòng kế toán của tất cả các loại hình doanh nghiệp;
2. Nhân viên cho các Công ty hành nghề kế toán;
3. Trợ lý kiểm toán trong các Công ty kiểm toán;

4. Phụ trách bộ phận kiểm toán nội bộ của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại; Kiểm soát viên, thanh tra viên, kế toán viên trong các cơ quan.
5. Giảng viên giảng dạy các môn học về kế toán, phân tích, kiểm toán cho các trường đại học, cao đẳng, trung học khối kinh tế và quản trị kinh doanh;
6. Làm nhân viên phụ trách công tác tài chính trong các đơn vị;
7. Làm nhân viên trong các cơ quan quản lý hoạt động kế toán, kiểm toán của Nhà nước

PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	41	15	31%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90	31	69%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	27	10	21%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	18	7	14%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	7%
2.2. Kiến thức ngành	26	9	19%
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	12%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	7%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	27	9	21%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	18	6	14%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	7%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp	10	2	8%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	131	46	100%

3.2. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán – kiểm toán

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	3
2	THML04	Triết học Mác- Lênin	3	1
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2

5	PLDC12	Pháp luật đại cương	3	1
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
7	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
8	TACB1	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
9	TACB2	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
10	TACB3	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
11	TACB4	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
12	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
13	THKT05	Kinh tế chính trị Mac -Lê Nin	2	2
14	TOLT07	Lý thuyết xác suất thống kê	3	3
15	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
16	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
2. Giáo dục quốc phòng				
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3. Giáo dục thể chất				
1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC02	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC03	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4. Cơ sở ngành (Bắt buộc)			18	
1	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	3
2	CSC11	Chính sách công	3	4
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	4
4	ACST01	Chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam	3	5
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3

6	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
5. Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)			9	
1	TOKT05	Kinh tế lượng	3	5
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
3	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
4	QTMC02	Marketing căn bản	3	4
5	QTHO06	Quản trị học	3	3
6	ACIF02	Hệ thống thông tin kế toán	3	5
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	5
6. Kiến thức ngành (Bắt buộc)			17	
1	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp	3	4
2	TCKH04	Kế toán tài chính	3	4
3	TCKQ01	Kế toán quản trị 1	3	5
4	KTCB01	Kiểm toán căn bản	3	5
5	TCTH11	Thuế	3	5
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
7. Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)			9	
1	NNKD05	Tiếng anh trong kinh doanh	3	5
2	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
3	KTDN	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3	6
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
5	TCĐG01	Định giá tài sản	3	6
8. Chuyên ngành bắt buộc			18	
1	TCKT22	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	7
2	TCKT29	Kế toán tài chính 2	3	6
3	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	6
4	KTTH01	Kế toán thực hành	3	7
5	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6

6	TCTH01	Kế toán thuế	3	7
9.Chuyên ngành lựa chọn (Lựa chọn 9 tín chỉ)			9	
1	ACCO05	Kế toán xây lắp	3	6
2	KTNH01	Kế toán ngân hàng thương mại	3	6
3	KTNB01	Kiểm toán nội bộ	3	6
4	TCKT30	Kế toán quốc tế	3	6
5	ACFI07	Kế toán tập đoàn	3	7
6	ACAD07	Kế toán quản trị 2	3	7
10. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
	<i>TCKT31</i>	<i>Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i>	3	8
	<i>KTTN03</i>	<i>Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính</i>	3	8
TỔNG			131	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

3.3. Mô tả tóm tắt các Học phần trong Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&QP và TACB1)				42	
1	THCN06	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	Học phần này trình bày những căn cứ lý luận khoa học về cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	2	
2	THML04	Triết học Mác- Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy	3	

			vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển.		
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.	2	
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ hiện nay	3	
5	PLĐC12	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về Các vấn đề lý luận cơ bản nhất về nhà nước. Các vấn đề lý luận cơ bản nhất về pháp luật như nguồn gốc ra đời pháp luật, bản chất, chức năng và các kiểu pháp luật, Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý, Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật. Một số nội dung cơ bản nhất của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	3	
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học Sinh viên được trang bị các kiến thức về kỹ năng nhận dạng, xây dựng, phát triển, thiết kế khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học	2	
7	TOĐC06	Tin học đại cương	Học phần bao gồm những nội dung kiến thức và kỹ năng cơ bản như : Những kiến thức căn bản về máy tính, hệ điều hành; Những kỹ năng cơ bản về: Soạn thảo văn bản Microsoft Word, Bảng tính điện tử Excel, Trình chiếu PowerPoint, Quản trị cơ sở dữ liệu Access; Những thao tác cơ bản trong sử dụng và khai thác mạng, Internet.	3	
8	TACB1	Tiếng Anh cơ bản 1	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thời thể ngữ pháp tiếng	Không tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT	

			Anh đơn giản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết đối với người mới học		
9	TACB2	Tiếng Anh cơ bản 2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam	3	
10	TACB3	Tiếng Anh cơ bản 3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.	3	
11	TACB4	Tiếng Anh cơ bản 4	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.	3	
12	TOCC05	Toán cao cấp	Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản và công cụ tính toán hữu hiệu đối với hệ phương trình tuyến tính, ma trận, định thức, dạng toàn phương, hàm số một biến số và nhiều biến số, xây dựng nền tảng toán học cơ bản cho nhiều môn học khác.	3	
13	THKT05	Kinh tế chính trị Mac -Lê Nin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.	3	
14	TOLT07	Lý thuyết xác suất thống kê	Sinh viên cần nắm được các kiến thức về các hiện tượng ngẫu nhiên và xử lý số liệu kinh tế – xã hội trong điều kiện bất định, tức là thông tin không đầy đủ.	3	

15	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng	3	
16	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô	3	
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	Sinh viên cần nắm các kiến thức về an ninh quốc phòng	8	Không tính vào số tín chỉ của chương trình
18	QTKN01	Phát triển kỹ năng	Sinh viên Có kỹ năng giao tiếp; Làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm; viết báo cáo và thuyết trình, trả lời phỏng vấn chuyên môn... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.	3	
19	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	Sinh viên cần nắm các kiến thức cơ bản về lý thuyết thể dục	2	
20	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	Sinh viên cần nắm các kiến thức cơ bản về cầu lông/ bóng chuyền	2	
21	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	Sinh viên cần nắm các kiến thức cơ bản về bóng đá	2	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				93	
2.1.Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)				21	
21	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cách thức phân tích hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất, ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường. Phân tích các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ.	3	
22	CSC11	Chính sách công	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về: tổng quan về chính sách công; Các chủ thể hoạt động chính sách công; Công cụ chính sách; Hoạch định chính sách công; Thực thi chính sách công và đánh giá chính sách công	3	
23	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, về hệ thống tài chính quốc gia cũng như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	3	

24	TCKT01	Nguyên lý kế toán	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về Bản chất, đối tượng của hạch toán kế toán; cân đối kế toán; các phương pháp của hạch toán kế toán: tài khoản, tính giá, chứng từ kế toán, cân đối kế toán	3	
25	ACST01	Chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) và chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)	3	
26	LUKT02	Pháp luật kinh tế	Môn học sẽ trình bày các nội dung Tổng quan về Pháp luật Kinh tế, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp; Quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài; Kiến thức về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.	3	
2.2. Kiến thức ngành (bắt buộc)				17	
27	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư , cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp	3	
28	TCKH04	Kế toán tài chính	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính: kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, kế toán TSCĐ, kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, kế toán tiền lương, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, kế toán đầu tư tài chính và các khoản dự phòng, kế toán báo cáo tài chính	3	
29	TCKQ01		Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về vai trò của kế toán quản trị và mối quan hệ với	3	

		Kế toán quản trị 1	kế toán tài chính; Nắm được bản chất, nguồn gốc và mục tiêu của thông tin quản trị; Lập báo cáo sản xuất và ghi nhận các giao dịch sản xuất dựa trên cơ sở các dòng chi phí; Giải thích và vận dụng được các kỹ năng về kế toán chi phí; Phân biệt sự khác nhau giữa phương pháp kế toán phân bổ chi phí theo đơn đặt hàng (theo công việc) và kế toán chi phí theo quy trình; ...		
30	KTCB01	Kiểm toán căn bản	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kiểm toán cơ bản như: khái niệm sử dụng trong lĩnh vực kiểm toán, chức năng của kiểm toán phân loại kiểm toán, các phương pháp kiểm toán, quy trình kiểm toán và cơ cấu tổ chức hoạt động kiểm toán.	3	
31	TCTH11	Thuế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thuế và các chính sách thuế hiện hành; Giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được hệ thống chính sách thuế của Việt Nam và các nước trên thế giới. Sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể thực hiện công việc liên quan đến thuế sau khi ra trường. Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế.	3	
32	QLCD01	Chuyên đề thực tế	Học phần này giúp sinh viên tiếp cận những kiến thức thực từ thực tế từ đó giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp	2	
2.3. Kiến thức cơ sở ngành (lựa chọn): chọn 9 tín chỉ (chọn 03 môn trong số các môn lựa chọn sau)				9	
33	TOKT05	Kinh tế lượng	Học phần trang bị các kiến thức về các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam; sinh viên có khả năng xây dựng mô hình, kiểm định và phân tích mô hình kinh tế lượng trong phân tích kinh tế và dự báo kinh tế.	3	
34	KHĐT05		Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Đó là những vấn đề lý luận	3	

		Kinh tế đầu tư	chung về đầu tư như khái niệm và bản chất của đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. Đồng thời, môn học cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.		
35	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành trong việc thu thập và xử lý dữ liệu thống kê nhằm đưa ra các nhận định về bản chất của các hiện tượng kinh tế xã hội trong các điều kiện không gian và thời gian cụ thể, phục vụ cho quá trình nghiên cứu và ra quyết định trong quản lý kinh tế xã hội.	3	
36	QTMC02	Marketing căn bản	Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing: Các quan điểm khác nhau về marketing; Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh; Thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường; Nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó; Các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông,...	3	
37	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	Học phần trang bị cho người học kiến thức để có thể trả lời được hai câu hỏi: Ở đâu và tại sao trong các hoạt động kinh tế. Học phần cũng giúp sinh viên nắm được một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực tiêu biểu trên thế giới, từ đó bổ sung vốn hiểu biết cho sinh viên, giúp người học rèn luyện tư duy phân tích, phản biện, giải quyết các vấn đề tổng hợp và liên ngành	3	

38	ACIF02	Hệ thống thông tin kế toán	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán, quy trình tổ chức Hệ thống thông tin kế toán.	3	
39	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng lập, xử lý và phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh	3	
2.4. Kiến thức ngành lựa chọn				9	
40	NNKD05	Tiếng anh trong kinh doanh	Học phần trang bị những kiến thức về các từ vựng, cấu trúc câu bằng tiếng anh, kỹ năng giao tiếp tiếng anh trong hoạt động kinh doanh	3	
41	TCCCK25	Thị trường chứng khoán	Học phần gồm 10 chủ đề với các nội dung cơ bản về: Giới thiệu tổng quát về thị trường chứng khoán; phân loại chứng khoán; hoạt động của sở giao dịch chứng khoán; thị trường chứng khoán phi tập trung(OTC); các thành viên tham gia thị trường chứng khoán; các nghiệp vụ chủ yếu của thị trường chứng khoán; hệ thống thông tin chứng khoán; phân tích chứng khoán; quản lý và giám sát thị trường chứng khoán.	3	
42	KTDN	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	Học phần trang bị các kiến thức về kế toán tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa: Tổ chức công tác kế toán; Kế toán tài sản; Kế toán vốn chủ sở hữu và nợ phải trả; Kế toán doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính	3	
43	NHTM02	Ngân hàng thương mại	Học phần trang bị các kiến thức sự khác biệt về khái niệm giữa tổ chức tín dụng, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng chính sách, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân; Các hoạt động cơ bản của ngân hàng; quá trình hình thành và phát triển của ngân hàng và hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam; hiểu được các nội dung về nguồn vốn và tài sản của ngân hàng;...	4	
44	TCĐG01		Học phần trang bị các kiến thức những kiến thức cơ bản về lý thuyết định giá định giá tài sản, quy trình định giá tài sản và các phương pháp định giá tài sản trong điều kiện nền kinh tế thị	3	

		Định giá tài sản	trường. làm rõ bản chất, mục đích, nguyên tắc kinh tế chi phối, cơ sở định giá tài sản, quy trình định giá tài sản, những tiêu chuẩn xác định giá trị tài sản và các phương pháp định giá bất động sản, máy thiết bị và định giá doanh nghiệp.		
2.5. Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)				18	
45	TCKT22	Kiểm toán báo cáo tài chính	Học phần trang bị các kiến thức về khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc kiểm toán báo cáo tài chính; Kiểm toán các chu trình: bán hàng và thanh toán, mua hàng, tiền lương và nhân viên, Tài sản cố định và đầu tư dài hạn, hàng tồn kho...	3	
46	TCKT29	Kế toán tài chính 2	Học phần trang bị các kiến thức về hạch toán kế toán tại các loại hình doanh nghiệp cụ thể: doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, doanh nghiệp xây lắp...	3	
47	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp	Học phần trang bị các kiến thức khái quát về công tác kế toán của các đơn vị hành chính sự nghiệp; Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở đơn vị hành chính sự nghiệp; Cách lập, đọc các báo cáo tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp.	3	
48	KTTH01	Kế toán thực hành	Học phần trang bị các kiến thức về yêu cầu, cũng như quy trình vận hành công tác kế toán trong doanh nghiệp theo quy định kế toán hiện hành; Cách hạch toán các phần hành kế toán trong doanh nghiệp bằng phần mềm kế toán; Nội dung yêu cầu và cách lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp bằng phần mềm kế toán	3	
49	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	Học phần trang bị các kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản về Phân tích TCDN như đọc các BCTC; vận dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích trong thực tiễn. Biết kết hợp giữa phân tích tài chính cơ bản và khối kiến thức chuyên sâu về phân tích tài chính như: phân tích cơ bản, phân tích báo cáo tài chính, phân tích rủi ro, sử dụng thành thạo, có hiệu quả các công cụ phân tích tài chính vào quản trị tài chính trong từng bối cảnh cụ thể	3	
50	TCTH01	Kế toán thuế	Học phần trang bị các kiến thức về phạm vi áp dụng; đối tượng kê khai, đối tượng chịu thuế;	3	

			Căn cứ tính thuế; Phương pháp tính thuế; Kỳ kê khai, quyết toán thuế; Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế; Hạch toán thuế; Mức xử phạt.		
2.6. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn (chọn 3 trong số các học phần sau)				9	
51	ACCO05	Kế toán xây lắp	Học phần trang bị các kiến thức về diễn giải, hệ thống hóa các phương pháp chuyên môn nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp xây lắp bao gồm : Tổ chức kế toán và hệ thống chứng từ, phương pháp ghi sổ, kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết thuộc tất cả các phần hành trong doanh nghiệp xây lắp để người học hình thành kiến thức, kỹ năng kế toán để vận dụng vào các doanh nghiệp xây lắp.	3	
52	KTNH01	Kế toán ngân hàng thương mại	Học phần trang bị các kiến thức về kế toán các nghiệp vụ cơ bản tại ngân hàng thương mại; vận dụng các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh cơ bản của một Ngân hàng thương mại như: huy động vốn, cấp tín dụng, kinh doanh ngoại tệ giao ngay, thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán vốn giữa các ngân hàng.	3	
53	KTNB01	Kiểm toán nội bộ	Học phần trang bị các kiến thức về những vấn đề quan trọng của kiểm toán nội bộ như: bản chất kiểm toán nội bộ, vai trò chức năng của kiểm toán nội bộ, nội dung và phương pháp kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán nội bộ và kiểm toán nội bộ một số hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.	3	
54	TCKT30	Kế toán quốc tế	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về nguyên tắc kế toán quốc tế nói chung và quy trình hạch toán các phần hành kế toán theo chuẩn mực kế toán Mỹ và Pháp.	3	
55	ACFI07	Kế toán tập đoàn	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kế toán trong các công ty thuộc tập đoàn hoặc công ty xuyên quốc gia	3	
56	ACAD07	Kế toán quản trị 2	Học phần trang bị các kiến thức chuyên sâu, hiện đại về kế toán quản trị như các phương pháp quản trị truyền thống đến hiện đại; tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị. Môn học cũng cung cấp những thông tin về nội dung và các phương pháp đánh giá trách nhiệm quản lý của kế	3	

			toán quản trị; các kiến thức cơ bản về xây dựng các phương pháp định giá sản phẩm,... Trên cơ sở đó tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.		
2.5. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				10	
57	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	Học phần giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn công t kế toán, kiểm toán tại các đơn vị; kết hợp kiến thức thực tiễn với kiến thức lý thuyết đã được trang bị. Sinh viên năm cuối sẽ trực tiếp làm việc tại các đơn vị thực tiễn trong 8 tuần và đạt các yêu cầu trong quy chế đào tạo của Học viện.	4	
58	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần giúp các em có kiến thức và phương pháp về thực hiện 1 nghiên cứu khoa học về lĩnh vực chuyên môn kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế đạt các yêu cầu đầu ra trong quy chế đào tạo của Học viện	6	
43	TCKT31	Tổ chức công tác kế toán trong DN	Sinh viên cần nắm được quy trình tổ chức công việc hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị	3	
60	KTTN03	Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức quá trình kiểm toán kế toán tài chính: Tiếp nhận khách hàng, Lập kế hoạch kiểm toán, Thực hành kiểm toán; Tổng hợp lập báo cáo kiểm toán, thư quản lý	3	
TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC & Quốc phòng và TACB1)				131	

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1 Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Cố vấn học tập gặp mặt sinh viên đã nhập học, giới thiệu về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện. Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng hỗ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào

tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên.

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên Khoa Kế toán kiểm toán còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD, ... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa kế toán kiểm toán và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán kiểm toán, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh. Đồng thời, Khoa Kế toán – kiểm toán còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến kế toán – kiểm toán.

3.4.3. Hoạt động NCKH sinh viên

Là một khoa trực thuộc của học viện theo định hướng nghiên cứu, sinh viên khoa Kế toán - kiểm toán luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Hàng năm, khoa Kế toán - kiểm toán thu hút được 04-15 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH

PHẦN 4: MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận 1. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của chương trình đào tạo	Mục tiêu của CTĐT			
		MT1	MT2	MT3	MT4
CDR1	Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	x			
CDR2	Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.	x			x
CDR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.	x			
CDR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, các quy định, khung lý thuyết cơ bản liên quan đến lĩnh vực kế toán-kiểm toán vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	x			
CDR5	Vận dụng được kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính ngân hàng vào thực hiện công tác kế toán, kiểm toán tại đơn vị.	x	x		
CDR6	Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính vào phân tích, đánh giá các hoạt động của đơn vị.	x	x		
CDR7	Vận dụng kiến thức kế toán và tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp: Tập đoàn kinh tế; Doanh nghiệp xây lắp; Doanh nghiệp thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu; Ngân hàng thương mại; Các đơn vị hành chính sự nghiệp.... Tổ chức một và thực hiện cuộc kiểm toán độc lập. Khai quyết toán thuế trên phần mềm của cơ quan thuế.	x	x	x	x
CDR8	Phân tích và đánh giá được các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính, các thông tin và dữ liệu kế toán của doanh nghiệp hoặc tổ chức phục vụ cho mục đích ra quyết định của nhà quản trị và hoạch định chính sách tài chính tại các đơn vị công các tổ chức kinh tế, xã hội.	x	x	x	x

CDR9	Có kỹ năng tư duy, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán, thuế trong các đơn vị kế toán		x		x
CDR10	Có kỹ năng lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính; Kỹ năng tham mưu tư vấn cho các nhà quản lý trong việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và ra quyết định kinh tế, tài chính.		x		x
CDR11	Có kỹ năng giao tiếp; Làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm; viết báo cáo và thuyết trình, trả lời phỏng vấn chuyên môn... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo			x	x
CDR12	Có kỹ năng phối hợp, dẫn dắt và quản lý thời gian tổ chức các hoạt động kế toán, kiểm toán.				x
CDR13	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; Có khả năng phân tích dữ liệu lớn; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán.			x	
CDR14	Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Có năng lực học tập suốt đời.				x
CDR15	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.		x		x

4.2. Ma trận 2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên Học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1. Kiến thức giáo dục đại cương																			
1	THML04	Triết học Mác – Lênin	3	2															
2	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2															
3	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	2	2															
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2															
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2															
6	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			3								x					
7	UĐC01	Pháp luật đại cương	3		3														
8	TOĐC06	Tin học đại cương	3			2											x		
9	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3														x		
10	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3														x		
11	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3														x		
12	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3				3												
13	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3				3												
14	TOCC05	Toán cao cấp	3			3													
15	OLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3													
16	TACB01	<i>Tiếng Anh cơ bản 1*</i>	3														x		
17	GDQP02	<i>Giáo dục quốc phòng*</i>	8															x	x
18	GDTC08	<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	2															x	x
19	GDTC06	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	2															x	x
20	GDTC07	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	2															x	x
21	QTKN01	<i>Phát triển kỹ năng*</i>	3											x	x				x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																			
2.1 Kiến thức cơ sở ngành																			
2.1.1 Cơ sở ngành bắt buộc																			
21	KHMA04	Kinh tế vi mô 2	3		3														

22	CSCS11	Chính sách công	3		3													
23	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3		3													
24	ACST01	Chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam	3				3					x		x				x
25	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3				3					x		x				
26	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3		3													
2.1.2 Cơ sở ngành lựa chọn																		
27	TOKT05	Kinh tế lượng	3		3													
28	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3		3													
29	ĐNQT02	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		3													
30	QTMC02	Marketing căn bản	3		3													
31	QTHO06	Quản trị học	3		3													
32	ACIF02	Hệ thống thông tin kế toán	3				3	3				x		x				
33	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3		3													
2.2 Kiến thức ngành																		
2.2.1 Ngành bắt buộc																		
34	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp	3				3	3	4									
35	TCKH04	Kế toán tài chính	3					3		4		x		x				
36	TCKQ01	Kế toán quản trị 1	3				3		4					x				
37	KTCB01	Kiểm toán căn bản	3				3	3		3				x				
38	TCTH11	Thuế	3				3	3	4									
39	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2					4	4	4	5	x	x	x	x	x	x	x
2.2.2 Ngành lựa chọn																		
40	NNKD05	Tiếng anh trong kinh doanh	3		3												x	
41	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3		3													
43	KTDN	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3				3		4					x				

44	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3		3												
45	TCĐG01	Định giá tài sản	3		3								x				
2.3 Kiến thức chuyên ngành																	
2.3.1 Chuyên ngành bắt buộc																	
45	TCKT22	Kiểm toán báo cáo tài chính	3					3	4	3					x		
46	TCKT29	Kế toán tài chính 2	3							3		x					
47	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp	3					3		4	4						
48	KTTH01	Kế toán thực hành	3					3		5	4						x
49	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3						4		5			x			
50	TCTH01	Kế toán thuế	3					3		5	4						x
2.3.2 Chuyên ngành lựa chọn																	
52	ACCO05	Kế toán xây lắp	3					3		4				x			x
54	KTNH01	Kế toán ngân hàng thương mại	3					3		4				x			x
55	KTNB01	Kiểm toán nội bộ	3					3	4	4				x			x
51	TCKT30	Kế toán quốc tế	3					3		4				x			x
53	ACFO07	Kế toán tập đoàn	3					3		4				x			x
56	ACAD07	Kế toán quản trị 2	3					3	4		5			x			x
2.4 Thực tập, học phần tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp																	
57	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4					4	4	4	4	x	x	x	x	x	x
58	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6					4	4	4	4	x	x	x	x	x	x
59	TCKT31	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3							4		x	x				x
60	KITN	Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính	3							4		x	x				x

Ghi chú:

Các mức độ của thang Bloom

(1) Nhớ (2) Hiểu (3) Vận dụng (4) Phân tích (5) Đánh giá (6) Sáng tạo

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

PHẦN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1 Thời gian đào tạo

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

5.1.2 Cách thức thực hiện

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 31%), Kiến thức cơ sở ngành: 27 tín chỉ (chiếm 21%) được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học. Các học phần thuộc kiến thức ngành: 26 tín chỉ (chiếm 20%); Kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ (21%) và Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ (8%) được tập trung vào kỳ 7 và kỳ 8 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học. Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế (4 tín chỉ), viết khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ). Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 131 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Kế toán kiểm toán.

Chi tiết kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế ở Khung chương trình đào tạo.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:
 - Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học thuộc chương trình đào tạo (mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ

- Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học
- Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng kí học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)
- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

- Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....
- Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

- Cách tính điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

- Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a_i: là điểm của học phần thứ i

n_i: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kế toán kiểm toán

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát

triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kế toán – kiểm toán được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra đã tuyên bố, được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Năm học	Chuẩn đầu ra			Gợi ý cách thực hiện
	Kiến thức	Kỹ năng	Phẩm chất	
Năm thứ nhất	Các môn học thuộc khối kiến thức chung và tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học chuyên môn bằng trong các năm tiếp theo.	<p>-Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kỹ năng quản lí công việc và thời gian cá nhân hiệu quả.</p> <p>-Sinh viên có thể nhận thức được các chính sách, chủ trương của nhà nước liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh</p> <p>-Sinh viên có thể dùng thành thạo Microsoft Office, một số thiết bị văn</p>	Sinh viên được định hướng các phẩm chất nghề nghiệp như tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng	<p>Phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thuyết trình -Thảo luận nhóm -Đặt-giải quyết vấn đề <p>Phương pháp học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học - Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học thông qua môn học;

		phòng thông dụng, giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh.		<ul style="list-style-type: none"> - Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. - Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai.... - Tham gia guest speaker
Năm thứ Hai	Các môn học thuộc khối kiến thức theo lĩnh vực và kiến thức theo khối ngành, cơ sở ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích định tính, định lượng, xác định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều. - Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý tưởng; giao tiếp qua email và các phương tiện truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Đam mê nghiên cứu và khám phá kiến thức. - Tự tin làm việc trong môi trường quốc tế. - Khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc 	<p>Phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học; - Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. - Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai.... <p>Phương pháp học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài

				<p>nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học.</p> <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học - Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học - Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên. - Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện: tiếng Anh C1, có điểm trung bình từ 3 trở lên và đáp yêu cầu của trường đối tác, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Điều kiện xét cho sinh viên toàn trường từ năm 2 trở đi.
Năm thứ Ba và năm thứ Tư	Các môn học thuộc khối kiến thức theo ngành	-Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ	- Có khả năng khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh;	<p>Phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học; - Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.

		<p>chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong lĩnh vực kế toán kiểm toán nói chung.</p> <p>- Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các hoạt động tài chính - kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trong nước và quốc tế và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng về kế toán kiểm toán</p> <p>- Viết báo cáo, các kỹ năng cơ bản để vận dụng vào từng lĩnh vực cụ thể của quá trình học và chuẩn bị cho nghề</p>	<p>- Năng lực tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin đa chiều, quản lý thời gian cá nhân, phong cách làm việc chuyên nghiệp;</p> <p>- Khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động;</p> <p>Khát vọng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh</p> <p>- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy;</p>	<p>- Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai... - Nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án... - Tham quan thực tế/thực tập tại doanh nghiệp</p> <p>Phương pháp học tập:</p> <p>- Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. - Tổ chức thực tập thực tế</p> <p>Điều kiện dạy và học:</p> <p>- Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học. - Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học</p>
--	--	--	--	---

		<p>nghiệp trong tương lai.</p> <p>- Trang bị cho sinh viên các kỹ năng tư duy phản biện; kỹ năng lãnh đạo nhóm và thích nghi với những thay đổi nghề nghiệp trong tương lai.</p>		<p>- Tổ chức các đợt thực tế theo nhu cầu học phần, thực tập tại doanh nghiệp, các cơ quan quản lý cho sinh viên.</p> <p>- Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề thực tiễn do các chuyên gia thực tiễn đảm nhiệm nhằm tăng kiến thức thực tiễn, kết hợp giữa đào tạo với thực tế.</p>
--	--	--	--	---

